

Biểu số: 0402/BTNMT

Ban hành kèm theo Thông tư số
20/2018/TT-BTNMT, ngày 08/11/2018
của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Ngày nhận báo cáo: Ngày 15/3 năm sau

**TỶ LỆ NGÀY TRONG NĂM CÓ NỒNG ĐỘ CÁC
CHẤT**

**TRONG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ VƯỢT QUÁ
QUY CHUẨN KỸ THUẬT CHO PHÉP**

Năm.....

Đơn vị báo cáo: Tổng cục
Môi trường

Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Kế
hoạch - Tài chính

STT	Trạm quan trắc	Mã số	Tọa độ		NO ₂			SO ₂			CO			O ₃			TSP			PM ₁₀			PM _{2.5}			Pb		
			Kinh độ	Vĩ độ	Tổng số ngày đo (ngày)	Số ngày đo có nồng độ NO ₂ vượt quá QCVN (ngày)	Tỷ lệ ngày đo có nồng độ NO ₂ vượt quá QCVN (%)	Tổng số ngày đo (ngày)	Số ngày đo có nồng độ SO ₂ vượt quá QCVN (ngày)	Tỷ lệ ngày đo có nồng độ SO ₂ vượt quá QCVN (%)	Tổng số ngày đo (ngày)	Số ngày đo có nồng độ CO vượt quá QCVN (ngày)	Tỷ lệ ngày đo có nồng độ CO vượt quá QCVN (%)	Tổng số ngày đo (ngày)	Số ngày đo có nồng độ O ₃ vượt quá QCVN (ngày)	Tỷ lệ ngày đo có nồng độ O ₃ vượt quá QCVN (%)	Tổng số ngày đo (ngày)	Số ngày đo có nồng độ TSP vượt quá QCVN (ngày)	Tỷ lệ ngày đo có nồng độ TSP vượt quá QCVN (%)	Tổng số ngày đo (ngày)	Số ngày đo có nồng độ PM ₁₀ vượt quá QCVN (ngày)	Tỷ lệ ngày đo có nồng độ PM ₁₀ vượt quá QCVN (%)	Tổng số ngày đo (ngày)	Số ngày đo có nồng độ PM _{2.5} vượt quá QCVN (ngày)	Tỷ lệ ngày đo có nồng độ PM _{2.5} vượt quá QCVN (%)	Tổng số ngày đo (ngày)	Số ngày đo có nồng độ Pb vượt quá QCVN (ngày)	Tỷ lệ ngày đo có nồng độ Pb vượt quá QCVN (%)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
1	Tỉnh/Thành phố A																											
1.1	Trạm quan trắc X																											
1.2	Trạm quan trắc Y																											
																												
2	Tỉnh/Thành phố B																											
																												

Ngày...tháng...năm...

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu

(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 0402/BTNMT. Tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ các chất trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật cho phép

1. Phạm vi thống kê

Thống kê tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ các chất trong môi trường không khí bao gồm nitơ đioxit (NO_2), lưu huỳnh đioxit (SO_2), cacbon monoxit (CO), ôzôn (O_3), bụi lơ lửng (TSP), bụi $\leq 10\mu\text{m}$ (PM_{10}), bụi $\text{PM}_{2,5}$, chì (Pb) vượt quá quy chuẩn kỹ thuật cho phép tại các trạm quan trắc không khí tự động trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Cách ghi biểu

Cột B: ghi tên các trạm quan trắc theo từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Cột C: ghi mã số các trạm quan trắc;

Cột D, E: ghi tọa độ các trạm quan trắc (kinh độ, vĩ độ);

Cột 1, 4, 7, 10, 13, 16, 19, 22: ghi tổng số ngày đo các chất NO_2 , SO_2 , CO , O_3 , TSP, PM_{10} , $\text{PM}_{2,5}$, Pb trong môi trường không khí tại các trạm quan trắc;

Cột 2, 5, 8, 11, 14, 17, 20, 23: ghi tổng số ngày đo các chất NO_2 , SO_2 , CO , O_3 , TSP, PM_{10} , $\text{PM}_{2,5}$, Pb trong không khí tại các trạm quan trắc có nồng độ vượt quá quy chuẩn kỹ thuật cho phép;

Cột 3, 6, 9, 12, 15, 18, 21, 24: ghi tỷ lệ các ngày đo các chất NO_x , SO_2 , CO , O_3 , TSP, PM_{10} , $\text{PM}_{2,5}$, Pb trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật cho phép;

Cột 3 = (Cột 2: Cột 1) x 100

Cột 6 = (Cột 5: Cột 4) x 100

Cột 9 = (Cột 8: Cột 7) x 100

Cột 12 = (Cột 11: Cột 10) x 100

Cột 15 = (Cột 14: Cột 13) x 100

$$\text{Cột 18} = (\text{Cột 17} : \text{Cột 16}) \times 100$$

$$\text{Cột 21} = (\text{Cột 20} : \text{Cột 19}) \times 100$$

$$\text{Cột 14} = (\text{Cột 23} : \text{Cột 22}) \times 100$$